| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 32/2009/QĐ-UBND | *Quy Nhơn, ngày 17 tháng 8 năm 2009* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thể thao**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH$_{11}$ ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH-UBTDTT ngày 09/4/2007 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Thể dục Thể thao về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 127/2008/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 24/12/2008 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 02/2009/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 12/01/2009 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2009/NQ-HĐND ngày 15/7/2009 của HĐND tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 15 về việc thông qua chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thể thao;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thể thao.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành liên quan phối hợp triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# QUY ĐỊNH

**Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thể thao**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 17/8/2009 của UBND tỉnh)*

**I. Chế độ dinh dưỡng theo Thông tư Liên tịch số 127/2008/TTLT/BTC-BVHTTDL của Liên Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

***1. Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên (gồm tiền ăn và tiền thuốc bồi dưỡng) trong thời gian tập trung tập luyện:***

*ĐVT: đồng/người/ngày*

| Vận động viên, huấn luyện viên theo cấp đội tuyển | Mức dinh dưỡng |
|---|---|
| - Đội tuyển tỉnh | 65.000 |
| - Đội tuyển trẻ | 55.000 |
| - Đội năng khiếu các cấp | 45.000 |

***2. Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên (gồm tiền ăn và tiền thuốc bồi dưỡng) trong thời gian tập trung thi đấu:***

*ĐVT: đồng/người/ngày*

| Vận động viên, huấn luyện viên theo cấp đội tuyển | Mức dinh dưỡng |
|---|---|
| - Đội tuyển tỉnh | 90.000 |
| - Đội tuyển trẻ | 65.000 |
| - Đội năng khiếu các cấp | 65.000 |

***3.*** Thời gian tập trung và thi đấu của một đội tuyển không quá 02 tháng/đội tuyển/giải tham gia. Thời gian thực hiện trong năm không quá 06 tháng/năm không phân biệt đối tượng là huấn luyện viên, vận động viên tập trung hay nghiệp dư.

**II. Chế độ tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bồi thường tai nạn lao động:**

- Đối tượng áp dụng là các huấn luyện viên, vận động viên tuyển tỉnh, tuyển trẻ tỉnh, đội năng khiếu của tỉnh theo thời gian tập trung và thi đấu do Ngành văn hóa, thể thao và du lịch quy định, thời gian thực hiện như mục I nêu trên. Mức chi tiền công, BHXH... thực hiện theo Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

- Huấn luyện viên, vận động viên thể thao hưởng lương từ NSNN thực hiện theo khoản 2 phần 2 Thông tư Liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH-UBTDTT của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban TDTT về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

**III. Chế độ tiền thưởng:**

Ngoài giải thưởng do Ban tổ chức giải Trung ương thưởng huấn luyện viên, vận động viên đạt giải được địa phương bổ sung:

***1. Chế độ thưởng đối với vận động viên:***

***a.*** *Giải vô địch quốc gia, giải quốc tế mở rộng (tổ chức tại Việt Nam), Đại hội thể dục thể thao toàn quốc:*

- Phá kỷ lục: 4.000.000 đồng.

- Huy chương vàng: 2.000.000 đồng.

- Huy chương bạc: 1.500.000 đồng.

- Huy chương đồng: l.000.000 đồng.

***b.*** *Giải vô địch trẻ quốc gia:*

- Giải thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: Mức thưởng bằng 20% mức thưởng ở giải vô địch quốc gia.

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức thưởng bằng 30% mức thưởng ở giải vô địch quốc gia.

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng ở giải vô địch quốc gia.

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng ở giải vô địch quốc gia.

***2. Chế độ thưởng đối với huấn luyện viên:***

- Đối với thi đấu cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

- Đối với thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

- Đối với môn thể thao thi đấu đồng đội: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với 50% mức thưởng tương ứng đối với các vận động viên đạt giải.

***3. Số lượng huấn luyện viên của các đội thể thao như sau:***

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 02 đến 05 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 06 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

***4.*** Đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định nêu trên.

***5.*** Đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải cấp quốc tế sau khi đã nhận thưởng do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trao theo quy định tại Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg thì còn được thưởng động viên khuyến khích với mức thưởng:

- Giải thế giới (vô địch trẻ) bằng mức thưởng đối với quy định ở giải vô địch quốc gia.

- Giải Châu Á (vô địch trẻ) bằng 75% mức thưởng đối với quy định ở giải vô địch quốc gia.

- Giải khu vực Đông Nam Á (vô địch trẻ) bằng 50% mức thưởng đối với quy định ở giải vô địch quốc gia.

**IV. Chế độ khen thưởng đối với các phong trào do tỉnh tổ chức:**

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Thành tích / Nội dung | Nhất | Nhì | Ba | Phong cách |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Giải tập thể** | | | | |
| 1 | Môn bóng đá sân lớn | 4.000.000 | 3.000.000 | 2.000.000 | 1.000.000 |
| 2 | Các môn thể thao thi đấu tập thể còn lại | 2.500.000 | 2.000.000 | 1.000.000 | |
| **II** | **Giải đồng đội** | | | | |
| 1 | Các môn thể thao thi đấu giải đồng đội theo quy định của điều lệ | 1.500.000 | 1.000.000 | 600.000 | |
| 2 | Các môn thể thao lấy thành tích cá nhân cộng lại theo quy định của điều lệ | 1.500.000 | 600.000 | 400.000 | |
| **III** | **Giải cá nhân** | | | | |
| 1 | Đơn | 500.000 | 400.000 | 250.000 | |
| 2 | Đôi | 800.000 | 600.000 | 400.000 | |

**V. Quy định chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao:**

***1. Tiền ăn trong quá trình tổ chức giải:***

**- Đối tượng:** Đối với các giải thi đấu thể thao trong nước áp dụng đối với thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao; thành viên Ban Tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu; trọng tài, giám sát điều hành các giải thi đấu.

**- Mức tiền ăn**:

+ Đối với các giải thi đấu cấp quốc gia (kể cả chính thức và mở rộng): 60.000 đồng/người/ngày (*bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước làm công tác chuẩn bị tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu*);

+ Đối với các giải thi đấu cấp khu vực và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 50.000 đồng/người/ngày.

Các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao sẽ không được thanh toán phụ cấp tiền ăn theo quy định tại chế độ công tác phí trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao. Trường hợp đã chi tiền ăn thì không được thanh toán tiền công tác phí.

Đồng thời, tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ thực tế từng ngày, buổi (*hoặc trận đối với các môn Bóng chuyền, Bóng ném, Bóng rổ, Bóng nước, Cầu mây, Quần vợt*). Các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu, hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không vượt quá 03 buổi hoặc 03 trận đấu/người/ngày (*trường hợp đặc biệt nếu vượt quá mức trên, Ban Tổ chức giải phải trình cấp có thẩm quyền quyết định trong phạm vi dự toán đã được phê duyệt*).

***2. Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ:***

- Đối với các giải thi đấu cấp quốc gia (*kể cả các giải chính thức và mở rộng*):

| STT | Nội dung | Mức chi |
|---|---|---|
| 1 | Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, Phó các Tiểu ban chuyên môn; Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức | 100.000đồng/người/ngày |
| 2 | Thành viên các Tiểu ban chuyên môn | 80.000đồng/người/ngày |
| 3 | Giám sát, Trọng tài chính | 70.000đồng/người/buổi |
| 4 | Thư ký, trọng tài khác, thư ký trọng tài | 50.000đồng/người/buổi |
| 5 | Công an, y tế | 40.000đồng/người/buổi |
| 6 | Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên, phục vụ | 35.000đồng/người/buổi |

- Đối với các giải thi đấu cấp khu vực và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

| STT | Nội dung | Mức chi |
|---|---|---|
| 1 | Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức; Trưởng, Phó các Tiểu ban chuyên môn; | 60.000đồng/người/ngày |

| | | |
|---|---|---|
| | Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức | |
| 2 | Thành viên các Tiểu ban chuyên môn | 50.000đồng/người/ngày |
| 3 | Giám sát, Trọng tài chính | 50.000đồng/người/buổi |
| 4 | Thư ký, trọng tài khác | 40.000đồng/người/buổi |
| 5 | Bộ phận y tế | 35.000đồng/người/buổi |
| 6 | Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên, phục vụ | 30.000đồng/người/buổi |

- Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các Đại hội thể dục thể thao toàn quốc và cấp tỉnh:

| STT | Nội dung | Mức chi |
|---|---|---|
| 1 | Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:<br>- Tập luyện: | 15.000 đồng/người/buổi |
| | - Tổng duyệt (*tối đa 02 buổi*): | 25.000 đồng/người/buổi |
| | - Chính thức: | 50.000 đồng/người/buổi |
| 2 | Giáo viên quản lý, hướng dẫn | 40.000 đồng/người/buổi |

Đối với các giải thi đấu thể thao do các Liên đoàn thể thao tổ chức tại tỉnh về nguyên tắc các Liên đoàn thể thao tự cân đối kinh phí để thực hiện. Về chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao này được vận dụng theo chế độ chi tiêu tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia. Việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các Liên đoàn, được thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 21/2003/QĐ-TTg ngày 29/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 123/2003/TT-BTC ngày 16/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước; Quyết định số 247/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2003/QĐ-TTg.

Mức chi tiếp khách nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11/06/2007, Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31/10/2007 của Bộ Tài chính và Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh.

**VI. Nguồn kinh phí thực hiện:**

Kinh phí thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thể thao từ nguồn ngân sách tỉnh cấp cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch hàng năm./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh Bình**